

Số: 174/2021/DS-ST

Ngày: 08 tháng 7 năm 2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Việt

2. Bà Lê Thị Tụ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2963/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4000/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần NT

Địa chỉ trụ sở: Số ab đường TQK, phường L, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn K M, sinh năm 1991, địa chỉ: Số cd đường C, Phường B, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3191/UQ-NSG.KHBL ngày 21 tháng 7 năm 2020)

Bị đơn: Ông Huỳnh T H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số xy đường LTT, phường BT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 4 năm 2020 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn K M đều trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn là ông Huỳnh T H có ký Hợp đồng tín dụng số

018/015/11/0000.131TD/VCBPMH ngày 25 tháng 8 năm 2011, Phụ lục Hợp đồng 01 ngày 13 tháng 9 năm 2012 và Phụ lục Hợp đồng 02 ngày 23 tháng 9 năm 2013 tại chi nhánh Nam Sài Gòn của nguyên đơn. Nội dung hợp đồng: Bị đơn vay 500.000.000 đồng vào mục đích sử dụng là vay tiêu dùng; thời hạn cho vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ lần đầu tiên; thời gian thu hồi nợ: 48 tháng; thời gian ân hạn: 12 tháng; định kỳ trả nợ lãi: hàng tháng; định kỳ trả nợ gốc: 01 tháng/kỳ; tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất số x, tờ bản đồ số y tại ấp H, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ , số vào sổ KL N QSDĐ/2004 do Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Lý T K T ngày 02 tháng 11 năm 2004, đăng ký thay đổi chủ sở hữu cho ông Huỳnh T H ngày 09 tháng 3 năm 2009.

Ngày 25 tháng 8 năm 2011, bị đơn nhận nợ lần đầu tiên số tiền vay là 300.000.000 đồng. Ngày 12 tháng 9 năm 2011, bị đơn nhận nợ lần thứ hai số tiền vay là 200.000.000 đồng. Tổng nợ gốc và nợ lãi hiện tại là 1.024.867.092 đồng. Lãi vay tạm tính đến hết ngày 11 tháng 4 năm 2021 và sẽ tiếp tục phát sinh kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2021 cho đến khi bị đơn trả hết nợ gốc.

Khi các khoản vay đến hạn trả nợ gốc và lãi, bị đơn đã không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo các hợp đồng đã ký kết.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán 1.044.002.501 đồng còn nợ của Hợp đồng tín dụng nêu trên, gồm: 500.000.000 đồng nợ gốc, 387.531.944 đồng nợ lãi trong hạn và 156.470.557 đồng nợ lãi quá hạn tính đến ngày 8 tháng 7 năm 2021. Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi quyền sử dụng đất diện tích 109,37 m² thửa đất số x, tờ bản đồ số y tại ấp H, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ, số vào sổ KL N QSDĐ/2004 do Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02 tháng 11 năm 2004, đăng ký thay đổi chủ sở hữu ngày 09 tháng 3 năm 2009.

Bị đơn là ông Huỳnh T H không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời

hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần NT khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Huỳnh T H cư trú tại Số xy đường LTT, phường BT, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Công an phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Huỳnh T H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng thực tế không cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ. Xét thấy, trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản nên được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú”; Trường hợp bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với quyền sử dụng đất diện tích 109,37 m² thửa đất số x, tờ bản đồ số y tại ấp H, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương,

tỉnh Kiên Giang. Ngày 13 tháng 5 năm 2021, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có Đơn đề nghị không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ vì nguyên đơn đã liên hệ Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang nhưng không phản hồi. Theo kết quả xác minh của Công an thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang thì thửa đất số 166, tờ bản đồ số 01 (Lô 3, nền 34) tại Tổ 9A, khu phố Hòa Lập, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang do bị đơn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay là đất trống, chưa có người sinh sống, kinh doanh.

[5] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Bị đơn có vay và hiện còn nợ nguyên đơn 500.000.000 đồng nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 018/015/11/0000.131TD/VCBPMH ngày 25 tháng 8 năm 2011; Phụ lục Hợp đồng 01 ngày 13 tháng 9 năm 2012 và Phụ lục Hợp đồng 02 ngày 23 tháng 9 năm 2013; các Giấy nhận nợ số 01 ngày 25 tháng 8 năm 2011 và số 02 ngày 12 tháng 9 năm 2011. Khoản vay này có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất diện tích 109,37 m² thửa đất số x, tờ bản đồ số y tại ấp H, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

[6] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vốn vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên nguyên đơn được tự động chuyển toàn bộ số dư nợ thực tế còn lại của hợp đồng này sang nợ quá hạn phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại điểm 7.1.6 Điều 7 Mục II Quyền hạn và nghĩa vụ của các bên trong Hợp đồng tín dụng số 018/015/11/0000.131TD/VCBPMH ngày 25 tháng 8 năm 2011; Thời gian chậm trả tiền nợ gốc bắt đầu kể từ ngày chuyển nợ quá hạn đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên cũng như quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (có hiệu lực thi hành tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng tín dụng), yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán 500.000.000 đồng nợ gốc, 387.531.945 đồng nợ lãi trong hạn và 156.470.557 đồng nợ lãi quá hạn từ ngày 26 tháng 6 năm 2014 đến ngày 08 tháng 7 năm 2021 của hợp đồng nêu trên có căn cứ để được chấp nhận.

[7] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc đến thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[8] Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ , số vào sổ KL N QSDĐ/2004 do Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Lý T K T ngày 02 tháng 11 năm 2004, đăng ký thay đổi chủ sở hữu cho bị đơn ngày 09 tháng 3 năm 2009, có cơ sở xác định quyền sử dụng đất diện tích 109,37 m² thửa đất số x, tờ bản đồ số y tại ấp H, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sở hữu của bị đơn.

[9] Căn cứ Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.15.2011.0041 TSTC/VCBPMH ngày 09 tháng 9 năm 2011 giữa nguyên đơn và bị đơn thì bị đơn đồng ý thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 109,37 m² thửa đất số x, tờ bản đồ số y tại ấp H, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang để bảo đảm cho toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ của bị đơn theo Hợp đồng tín dụng số 018/015/11/0000.131TD/VCBPMH ngày 25 tháng 8 năm 2011 và các hợp đồng tín dụng khác tham chiếu đến hợp đồng thế chấp tài sản này ký giữa bị đơn và nguyên đơn. Về hình thức và nội dung hợp đồng thế chấp đúng quy định tại các điều 342, 343, 344, 715, 716, 717 và 719 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên đã phát sinh hiệu lực.

[10] Xét yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất diện tích 109,37 m² thửa đất số x, tờ bản đồ số y tại ấp H, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ , số vào sổ KL N QSDĐ/2004 do Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Lý T K T ngày 02 tháng 11 năm 2004, đăng ký thay đổi chủ sở hữu cho ông Huỳnh T H ngày 09 tháng 3 năm 2009) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.15.2011.0041 TSTC/VCBPMH được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang chứng thực số 629, quyền số I/2011 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 09 tháng 9 năm 2011 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang ngày 09 tháng 9 năm 2011 để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên cũng như quy định tại Điều 351 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 43 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên có căn cứ để được chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 43.320.075 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và khoản 2 Điều 24, khoản 1 Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Các khoản 3 và 4 Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 351 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 43 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 07 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần NT

Buộc ông Huỳnh T H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần NT 1.044.002.501 đồng còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 018/015/11/0000.131TD/VCBPMH ngày 25 tháng 8 năm 2011; Phụ lục Hợp đồng 01 ngày 13 tháng 9 năm 2012 và Phụ lục Hợp đồng 02 ngày 23 tháng 9 năm 2013, gồm: 500.000.000 đồng nợ gốc, 387.531.945 đồng nợ lãi trong hạn và 156.470.557 đồng nợ lãi quá hạn từ ngày 26 tháng 6 năm 2014 đến ngày 08 tháng 7 năm 2021.

Trường hợp ông Huỳnh T H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần NT có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất diện tích 109,37 m² thửa đất số x, tờ bản đồ số y tại ấp H, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ, số vào sổ KL N QSDĐ/2004 do Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang cấp cho bà Lý T K T ngày 02 tháng 11 năm 2004, đăng ký thay đổi chủ sở hữu cho ông Huỳnh T H ngày 09 tháng 3 năm 2009) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01.15.2011.0041 TSTC/VCBPMH được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang chứng thực số 629, quyền số I/2011 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 09 tháng 9 năm 2011 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang ngày 09 tháng 9 năm 2011 theo quy định pháp luật để thi hành án.

2. Về án phí: Ông Huỳnh T H phải chịu 43.320.075 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại Cổ phần NT không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần NT 20.015.194 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0029082 ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 018/015/11/0000.131TD/VCBPMH ngày 25 tháng 8 năm 2011. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Minh

